

Số: 79 /BC-STNMT

Kon Tum, ngày 20 tháng 02 năm 2019

## BÁO CÁO

### Công khai tài chính của Văn phòng Sở năm 2018

Đơn vị SDNS: Sở Tài nguyên và Môi trường Kon Tum (Văn phòng Sở)

Thuộc chương: 426

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ MÔI

ĐẾN

Số: ...63.....  
Ngày: 04/3/2019

Căn cứ Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính, về việc Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Kon Tum, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Sở Tài nguyên và Môi trường Báo cáo công khai tài chính của Văn phòng Sở năm 2018 với các nội dung cụ thể như sau:

#### A. Công khai tài chính năm 2018 :

##### I. Nguồn thu phí, lệ phí năm 2018

1. Nguồn phí và lệ phí được trích lại chưa sử dụng năm 2017, chuyển sang năm 2018 là : 451.490.481 đồng.

- Tồn quỹ tiền mặt tại đơn vị: 213.791.964 đồng.

- Tài khoản tiền gửi tại KBNN tỉnh Kon Tum (Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp): 237.698.517 đồng. Trong đó:

+ Số Tài khoản tiền gửi tại KBNN tỉnh Kon Tum (Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp): 36.472.517 đồng.

+ Số dư tạm ứng cho Hội đồng giải thể giải quyết tiền lương và các chế độ cho các bộ Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường với số tiền : 201.226.000 đồng.

2. Tổng số thu phí năm 2018 là: 942.337.000 đồng.

- KBNN tỉnh Kon Tum thu qua tài khoản trung gian (Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp): 452.507.000 đồng.

- Thu bằng tiền mặt tại đơn vị: 489.830.000 đồng

+ Phí Thẩm định đề án tài nguyên nước: 22.200.000 đồng

+ Lệ phí khai thác khoáng sản: 294.000.000 đồng

+ Phí thẩm định trữ lượng khoáng sản: 150.000.000 đồng

+ Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: 23.630.000 đồng.

3. Số thu năm 2018 nộp NSNN là: 656.717.665 đồng

- KBNN Kon Tum trích nộp từ tài khoản trung gian (Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp) : 318.537.665 đồng

- Số thu bằng tiền mặt tại đơn vị nộp NSNN: 338.180.000 đồng.

4. Phí và lệ phí năm 2018 được trích lại theo chế độ, bổ sung nguồn chi hoạt động là : 486.845.335 đồng



- KBNN tỉnh Kon Tum trích từ tài khoản trung gian sang TK Tiền gửi của đơn vị: 133.969.335 đồng.

- Hoàn ứng tạm ứng của Hội đồng giải thể giải quyết tiền lương và các chế độ cho các bộ Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường: 201.226.000 đồng.

- Trích từ số thu bằng tiền mặt tại đơn vị: 151.650.000 đồng

+ Phí Thẩm định đề án tài nguyên nước: 16.650.000 đồng.

+ Lệ phí khai thác khoáng sản: 0 đồng

+ Phí thẩm định trữ lượng khoáng sản: 135.000.000 đồng

+ Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: 0 đồng

5. Tổng nguồn phí, lệ phí được sử dụng năm 2018 là: 737.109.816 đồng.

Trong đó:

- Nguồn kinh phí và lệ phí được để lại theo chế độ, bổ sung nguồn chi hoạt động chưa sử dụng năm 2017 chuyển sang: 451.490.481 đồng

- Phí và lệ phí năm 2018 được trích lại theo chế độ, bổ sung nguồn chi hoạt động: 486.845.335 đồng

6. Kinh phí đã sử dụng năm 2018 từ nguồn phí, lệ phí được trích lại, đề nghị quyết toán là: 648.762.261 đồng

- Thanh toán tiền công lao động hợp đồng (mục 6050): 155.007.521 đồng.

- Thanh toán các khoản phụ cấp (mục 6100): 9.360.000 đồng

- Thanh toán tiền thưởng (mục 6200): 82.060.000 đồng

- Thanh toán BHXH, YT, TN và KPCĐ (mục 6300): 157.673.455 đồng

- Thanh toán tiền tàu xe nghỉ phép năm (mục 6250): 5.674.000 đồng.

- Thanh toán dịch vụ công cộng (mục 6500): 35.821.598 đồng

- Thanh toán tiền vật tư văn phòng phẩm (mục 6550): 13.469.000 đồng

- Thanh toán chi phí thông tin liên lạc (mục 6600): 29.456.087 đồng

- Thanh toán công tác phí (mục 6700): 94.884.600 đồng

- Thanh toán chi phí sửa chữa TSCĐ (mục 6900): 6.950.000 đồng

- Thanh toán chi phí khác (mục 7750): 58.406.000 đồng.

7. Nguồn phí và lệ phí được trích lại chưa sử dụng năm 2018, chuyển sang năm 2019 là : 98.347.555 đồng

+ Tồn quỹ tiền mặt tại đơn vị: 68.488.215 đồng.

+ TK tiền gửi tại KBNN tỉnh Kon Tum (Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp): 29.859.340 đồng

## II. Các khoản thu chi khác:

Tiền gửi Ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:

1. Số dư ký quỹ phục hồi môi trường cuối năm 2017 chuyển sang năm 2018: 12.912.229.891 đồng.

2. Số thu ký quỹ phục hồi môi trường trong năm 2018: 5.294.056.634 đồng.

3. Số dư ký quỹ phục hồi môi trường cuối kỳ năm 2018: 17.253.278.834 đồng.

## III. Nguồn kinh phí chi hoạt động bộ máy (loại 460, khoản 466)

1. Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ:

